TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2019/HNGĐ-ST
Ngày 27/11/2019
Về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hứa Trường Sơn;

2. Bà Phạm Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Phân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Sơn Thị Thùy D, sinh năm 1990; địa chỉ: Số nhà 213 ấp P, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Anh Tô Hữu H, sinh năm 1982; địa chỉ: Số nhà 213 ấp P, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 03/6/2019 (BL 01) cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Sơn Thị Thùy D trình bày:

Năm 2009, chị D kết hôn với anh Tô Hữu H và được Ủy ban nhân dân xã L cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/01/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị D chung sống tại số nhà 213 ấp P, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

Cuộc sống chung hạnh phúc được thời gian đầu, chị D với anh H đã có 02 con chung là cháu Tô Sơn Nhã Q (Nữ), sinh ngày 26/5/2010 và Tô Nhã K (Nữ), sinh ngày 12/6/2013. Do bất đồng quan điểm làm phát sinh mâu thuẫn, sống chung không hòa hợp nên mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng, vợ chồng đã ly hôn lần thứ nhất vào năm 2010, đến năm 2013 mới kết hôn lại nhưng vẫn không hạnh phúc. Chị D khẳng định các đương sự không thể khắc phục được tình trạng hôn nhân hiện nay, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Tô Hữu H.

Về con chung: Do cháu Tô Sơn Nhã Q có nguyện vọng được sống cùng mẹ, chị D có thu nhập ổn định từ việc cho thuê quyền sử dụng đất riêng đảm bảo cuộc sống nên yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, cháu K và không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D khẳng định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chứng cứ do chị D giao nộp gồm: Bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Trích lục kết hôn của anh H với chị D, Trích lục khai sinh của các cháu Tô Sơn Nhã Q và Tô Nhã K (BL 02 - 08).

- Đối với bị đơn Tô Hữu H:

Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo đã thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của chị D nhưng anh H không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình.

Anh H còn vắng mặt không có lý do trong cả 02 phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp nêu trên cũng như việc thu thập được tài liệu, chứng cứ cho anh H và đưa vụ án ra xét xử.

Phiên tòa ngày 15/11/2019, bị đơn H vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là: Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp, điều kiện của các đương sự; tình trạng phát triển, nguyện vọng của cháu Nhã Q, Nhã K và việc giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án đối với bị đơn Tô Hữu H (BL 24, 28, 32).

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, cho chị D ly hôn với anh H; giao cho chị D được nuôi dưỡng cả 02 con chung, anh H không phải cấp dưỡng cho con; không xem xét, giải quyết về tài sản và nợ chung do không có yêu cầu; quyết định nghĩa vụ chịu án phí đối với các đương sự, theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị D khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh H và giải quyết quyền nuôi con chung. Yêu cầu này của chị D được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (Sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình); thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh H đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn và Kiểm sát viên yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn Hạnh.

[2] Về nội dung giải quyết:

- Căn cứ bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, Trích lục kết hôn, Trích lục khai sinh của cháu Q, cháu K cũng như việc không phản đối của anh H và kết quả xác minh của Tòa án; đối chiếu với quy định tại điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị Sơn Thị Thùy D về việc kết hôn với anh Tô Hữu H, được Ủy ban nhân dân xã L cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/01/2013 và vợ chồng đã có 02 con chung là sự thật. Vì vậy, giữa chị D và anh H đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm làm phát sinh mâu thuẫn, dù sống chung một nhà nhưng vợ chồng thường xảy ra xung đột, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không cùng nhau thực hiện công việc gia đình. Mặc dù Tòa án đã 02 lần mở phiên họp để xem xét, phân tích, động viên vợ chồng hàn gắn tình cảm, cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng anh H đều vắng mặt. Như vậy, cùng với việc không phản đối yêu cầu ly hôn của chị D đã chứng tỏ anh H không có nguyện vọng đoàn tụ; vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, khắc phục khó khăn để có niềm vui, hạnh phúc, tiến bộ nên chị D với anh H đã không còn tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình.

Do đó, có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa chị D với anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và cần áp dụng các Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị Sơn Thị Thùy D ly hôn với anh Tô Hữu H.

- Thời điểm xét xử vụ án, cháu Tô Sơn Nhã Q đã trên 07 tuổi, được học tập ổn định; Ủy ban nhân dân xã L khẳng định cháu Q, cháu K phát triển tốt về thể chất cũng như trí tuệ, chính quyền địa phương không phải hỗ trợ, bảo vệ, chăm sóc các cháu (BL 24); đồng thời, cháu Q có nguyện vọng được sống với mẹ, chị D yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con. Xét, việc bày tỏ ý chí của cháu Q là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc; chị D có thu nhập đảm bảo cuộc sống và có điều kiện chăm sóc, giúp đỡ các con phát triển phù hợp hơn theo giới tính. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt được tốt hơn và tránh sự xáo trộn sinh hoạt, học tập của các cháu thì cần căn cứ Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình giao cho chị D nuôi dưỡng cả 02 con chung; ghi nhận ý chí tự nguyện của chị D, không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

- Nguyên đơn Sơn Thị Thùy D tiếp tục khẳng định không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị D phải chịu 300.000 đồng theo điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Sơn Thị Thùy D được ly hôn với anh Tô Hữu H.

2. Về quyền nuôi con chung: Giao cho chị Sơn Thị Thùy D được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Tô Sơn Nhã Q (Nữ), sinh ngày 26/5/2010 và Tô Nhã K (Nữ), sinh ngày 12/6/2013.

Trong thời gian chị D nuôi con, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc và giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Ghi nhận ý chí tự nguyện của chị D, anh Tô Hữu H không phải cấp dưỡng cho con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu Q và cháu K, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con nếu có căn cứ hợp pháp.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn tiếp tục khẳng định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Sơn Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai số 0007958 ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu. Như vậy, chị Sơn Thị Thùy D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Chị Sơn Thị Thùy D có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; anh Tô Hữu H có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- UBND xã L;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

CHU ĐỨC CHƯƠNG